

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT

Ngày 19 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2023/TLPT - KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ. Địa chỉ: số 112/28 đường TCH05, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Q, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Chúc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh B và ông Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Bào H, xã Q, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P. Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tín Ng, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Công Kh, sinh 1964. Địa chỉ: 10D, Lê Hồng P, Khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ), do người đại diện trình bày:

Ngày 10/7/2018, Công ty Đ có ký kết hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT với Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P (sau đây gọi tắt là Công ty P) về việc “Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Công ty chế biến thủy sản, công suất 300m³/ngày đêm”, tại Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B với giá trị hợp đồng là 981.860.000 đồng, theo hình thức trọn gói. Theo hợp đồng, Công ty Đ đã cung cấp và lắp đặt hệ thống thiết bị cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho Công ty P. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã thanh toán tạm ứng cho Công ty Đ 03 đợt, với tổng số tiền là 736.395.000 đồng, cụ thể: Đợt 1 vào ngày 18/7/2018 với số tiền 294.558.000 đồng; Đợt 2 vào ngày 06/9/2018 với số tiền 196.372.000 đồng; Đợt 3 vào ngày 18 và 24/10/2018 với số tiền 245.465.000 đồng.

Sau khi công trình hoàn thành, Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty P tiến hành lấy mẫu kiểm nghiệm, tiến tới bàn giao công trình nhưng phía Công ty P cố tình tránh mặt, không tự thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm nên Công ty Đ đã thông báo thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm nhưng đến ngày để thực hiện lấy mẫu thì Công ty P không cung cấp điện nguồn để vận hành máy móc, thiết bị, không cung cấp hóa chất vận hành. Do đó Công ty Đ tự tổ chức lấy mẫu kiểm nghiệm, kết quả kiểm nghiệm ngày 01/7/2020 đạt. Tuy nhiên, Công ty P lại không công nhận kết quả kiểm nghiệm mà yêu cầu lấy lại mẫu. Chấp nhận yêu cầu đó, Công ty Đ tiến hành lấy lại mẫu và niêm phong, gửi kiểm định lại vào ngày 25/7/2020, đến ngày 03/8/2020, có kết quả kiểm nghiệm đạt đúng như theo Hợp đồng. Sau đó Công ty Đ liên hệ với phía Công ty P để tiến hành nghiệm thu, bàn giao công trình và thanh toán công nợ nhưng Công ty P đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình và thanh toán hợp đồng số: 100718/01 – HĐKT cho Công ty Đ. Đối trừ giữa giá trị hợp đồng và số tiền đã thanh toán tạm ứng thì phía Công ty P còn nợ Công ty Đ số tiền 245.465.000 đồng. Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 245.465.000 đồng.

Công ty Đ đã lắp đặt hoàn thành hệ thống xử lý nước thải công ty chế biến thủy sản nhưng do Công ty P cố tình tránh né, cố tình không hợp tác kéo dài thời gian không nghiệm thu công trình và không thanh toán số tiền còn lại. Công ty P đã vi phạm nội dung hợp đồng kinh tế số: 100718/01 – HĐKT, không tuân thủ quy tắc vận hành hệ thống xử lý nước thải nên ngày 27/7/2020, bị Cơ quan Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Bạc Liêu kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm và lập biên bản vi phạm hành chính. Khi đó Công ty P không còn hóa chất để vận hành hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng thời tự ý xả nước thải

ra môi trường mà không qua xử lý. Vì vậy, việc bị xử phạt hành chính là lỗi của Công ty P nên Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty P.

– Bị đơn Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/7/2018, giữa nguyên đơn Công ty Đ và bị đơn Công ty P có ký hợp đồng kinh tế số: 100718/01 – HĐKT về việc cải tạo hệ thống xử lý nước thải Công ty chế biến thủy sản, công suất 300m³/ ngày đêm”, giá trị hợp đồng là 981.860.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty P đã tạm ứng cho Công ty Đ tổng cộng số tiền 736.395.000 đồng, còn chưa thanh toán số tiền 245.465.000 đồng.

Tuy nhiên qua nhiều đợt lấy mẫu kiểm định để nghiệm thu công trình, kết quả vẫn chưa đạt được đầy đủ các thông số môi trường theo tiêu chuẩn xả thải ở Cột B, QCVN 11 – MT – 2015 – BTNMT đã quy định trong hợp đồng hai bên ký kết. Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ tiếp tục có biện pháp khắc phục các thông số môi trường chưa đạt để nghiệm thu thanh toán công trình nhưng Công ty Đ cứ đổ lỗi vấn đề này, vấn đề kia và không chịu khắc phục, dẫn đến ngày 27/7/2020, Công ty P đã bị Cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bạc Liêu kiểm tra, lấy mẫu xét nghiệm, lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 03/9/2020 Công ty P đã bị Cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường do chỉ thông số môi trường amoni (N) vượt quy chuẩn 2,44 lần và thông số tổng phốt pho vượt quy chuẩn 1,18 lần với số tiền phạt 88.000.000 đồng. Công ty P bị xử phạt là hậu quả của việc nguyên đơn chân chủ và không kịp thời khắc phục để hoàn thiện các tiêu chuẩn quy định nêu trên, sau đó bị đơn có báo cho nguyên đơn vụ việc này và cũng tiếp tục yêu cầu nguyên đơn phải có biện pháp khắc phục để thanh lý hợp đồng và sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại nêu trên của hợp đồng nhưng phía nguyên đơn vẫn không có động thái nào tỏ ra thiện chí để tiếp tục thực hiện và xử lý theo yêu cầu của bị đơn và đã ngừng không thực hiện tiếp hợp đồng từ thời điểm đó đến nay.

Từ những lý lẽ trên, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn có nghĩa vụ bồi thường cho bị đơn số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính là 80.000.000 đồng. Rút lại một phần yêu cầu phản tố bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Yêu cầu chấp dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty P và Công ty Đ.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ đối với Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

2/ Buộc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ số tiền còn nợ là 245.465.000 đồng.

3/ Bác yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ về việc yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ.

4/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ về việc yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, lãi phát sinh giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, Công ty P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ có ông Nguyễn Huỳnh Đ đến nộp đơn xin hoãn phiên tòa của ông Sơn Chúc P đề ngày 18/01/2024 do ông Sơn Chúc P bị bệnh sốt siêu vi (có sổ khám bệnh kèm theo), Nộp đơn xong thì ông Đức tự ý bỏ về, không tham gia phiên tòa, không rõ lý do. Xét thấy, tại Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2023 thể hiện về phạm vi, thời hạn ủy quyền và các vấn đề khác thể hiện tại mục 3 có nội dung: “trường hợp ông Sơn Chúc P vắng mặt thì ông Nguyễn Huỳnh Đ được toàn quyền quyết định nội dung ủy quyền nêu trên và ngược lại” (bút lục số 82 - 84). Như vậy, trong vụ án này, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm có 02 người là ông Sơn Chúc P và ông Nguyễn Huỳnh Đ, cả hai đều có phạm vi ủy quyền như nhau trong tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nên khi tham gia tố tụng vắng mặt 1 trong 2 người được ủy quyền thì người còn lại vẫn có thể tham gia tố tụng. Do đó, ông Sơn Chúc P vắng mặt do bệnh nhưng không có chỉ định phải nhập viện, ông Nguyễn Huỳnh Đ có đến phiên tòa nhưng tự ý bỏ về, không tham gia phiên tòa, không rõ lý do. Như vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất việc ký kết hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, các bên có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018. Tại Điều 1 Hợp đồng thể hiện rõ về nội dung Hợp đồng về Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải ra nguồn hiện tại (Cột B, QCVN 11-MT-2015, BTNMT) và đây là nội dung tranh chấp giữa các bên trong vụ án.

[3.2] Công ty Đ cho rằng đã thực hiện đầy đủ các nội dung thể hiện tại hợp đồng, cụ thể: Công ty Đ đã cung ứng, lắp đặt thiết bị cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến thủy sản, công suất 300 m³/ngày đêm; các thiết bị cung cấp mới 100%, đúng quy cách, chất lượng mẫu mã, xuất xứ như quy định đính kèm trong bản khái toán của Hợp đồng; Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải ra nguồn hiện tại (Cột B, QCVN 11-MT-2015, BTNMT) cho Công ty P theo thời hạn mà các bên ký kết trong hợp đồng. Công ty Đ yêu cầu Công ty P nghiệm thu nhưng phía Công

ty P không có ý kiến hay phản hồi gì, do đó Công ty Đ tự tổ chức lấy mẫu kiểm nghiệm, kết quả kiểm nghiệm ngày 01/7/2020 đạt nên phía Công ty Đ đã có văn bản yêu cầu thực hiện việc nghiệm thu công trình nhưng phía Công ty P từ chối mà chỉ đồng ý tiến hành cuộc họp chấm dứt hợp đồng ngày 13/5/2020. Hệ thống xử lý nước xả thải mà Công ty Đ cải tạo, lắp đặt cho Công ty P vẫn hoạt động bình thường, xuyên suốt, nếu hệ thống được vận hành đúng kỹ thuật, đủ hóa chất thì các chỉ số đều đạt và trên thực tế các bên đã ký biên bản nghiệm thu đối với hệ thống khử phốt pho của phụ lục hợp đồng số: 250119/01 – PL.HĐKT ngày 25/01/2019, đây là phụ lục hợp đồng không thể tách rời của hợp đồng kinh tế số 100718/01 - HĐKT ngày 10/7/2018 ban đầu mà giữa 2 Công ty đã ký kết nên Công ty Đ yêu cầu Công ty P trả số tiền còn lại theo hợp đồng là 245.465.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Công ty Đ có giao nộp kết quả kiểm nghiệm lấy mẫu ngày 01/7/2020 trả lời kết quả ngày 7/7/2020 và kết quả kiểm nghiệm lấy mẫu ngày 25/7/2020 trả lời kết quả ngày 03/8/2020.

[3.3] Bị đơn Công ty P cho rằng hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản – 300m³/ngày, đêm mà phía nguyên đơn Công ty Đ cải tạo, lắp đặt cho Công ty P là chưa nghiệm thu công trình, kết quả vẫn chưa đạt được đầy đủ các thông số môi trường theo tiêu chuẩn xả thải ở Cột B, QCVN 11 – MT – 2015 – BTNMT đã quy định trong hợp đồng hai bên ký kết nên không đồng ý thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng là 245.465.000 đồng, đồng thời Công ty P cho rằng đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc vào ngày 03/9/2020 Công ty P đã bị CSMT – CA tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường do thông số môi trường Amoni (N) vượt quy chuẩn 2,44 lần và thông số tổng phốt pho vượt quy chuẩn 1,18 lần với số tiền phạt 88.000.000 đồng. Công ty P có đơn phản tố yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường số tiền bị phạt 88.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu phản tố với số tiền 8.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty P và Công ty Đ.

[3.4] Xét hợp đồng số 100718/01-HĐKT ngày 10/7/2018 về việc cải tạo hệ thống xử lý nước thải Công ty chế biến thủy sản, công suất 300m³/ngày, đêm. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký kết với nhau, nội dung thỏa thuận phía Công ty Đ sẽ thực hiện việc cải tạo hệ thống xử lý nước thải Công ty chế biến thủy sản, công suất 300m³/ngày, đêm cho Công ty P. Ngoài ra giữa các bên còn ký kết phụ lục hợp đồng số 250119/01 – PLHĐKT ngày 25/01/2019 (Bút lục số 101, 102). Thực hiện theo hợp đồng phía Công ty Đ đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản 300m³/ngày, đêm cho Công ty P theo thời hạn mà các bên ký kết trong hợp đồng. Hợp đồng số 100718/01-HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty Đ và Công

ty P đúng theo quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng dịch vụ.

[3.5] Về việc thực hiện hợp đồng: phía Công ty P đã thanh toán tạm ứng theo đúng hợp đồng ký kết từ ngày 18/7/2018 đến ngày 24/10/2018. Tổng giá trị của hợp đồng là 981.860.000 đồng, phía Công ty P đã thanh toán tạm ứng cho Công ty Đ từ ngày 18/7/2018 đến ngày 24/10/2018 là 736.395.000 đồng, số tiền còn lại theo hợp đồng là 245.465.000 đồng, tuy nhiên phía Công ty P chưa đồng ý nghiệm thu nên chưa thanh toán số tiền 245.465.000 đồng cho Công ty Đ. Đối với phụ lục hợp đồng số 250119/01 - PL.HĐKT ngày 25/01/2019 có giá trị là 203.170.000 đồng, ngày 10/7/2020 giữa các bên đã có biên bản nghiệm thu và ngày 25/12/2020 phía Công ty P đã chuyển thanh toán cho Công ty Đ theo giá trị phụ lục hợp đồng là 203.170.000 đồng.

[3.6] Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thông số môi trường được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 11-MT – 2015/BTNMT xả thải ở Cột B, giá trị C theo ký kết hợp đồng giữa Công ty Đ và Công ty P có quy định 10 thông số, cụ thể:

- 1/. Thông số: pH; Đơn vị: - ; giá trị C, cột B: 5,5-9;
- 2/. Thông số: BOD5 ở 20°C; Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 50;
- 3/. Thông số: COD; Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 150;
- 4/. Thông số: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 100;
- 5/. Thông số: Amoni (NH₄ + tính theo N); Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 20;
- 6/. Thông số: Tổng Nitơ (tính theo N); Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 60;
- 7/. Thông số: Tổng photpho (tính theo P); Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 20;
- 8/. Thông số: Tổng dầu, mỡ động thực vật; Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 20;
- 9/. Thông số: Clo dư; Đơn vị: mg/l; giá trị C, cột B: 20;
- 10/. Thông số: Tổng Coliforms; Đơn vị: MPN hoặc CFU/100ml; giá trị C, cột B: 5.000

[3.7] Tại cuộc họp ngày 13/5/2020 (BL 136) giữa Công ty P và Công ty Đ về việc chấm dứt hợp đồng thể hiện: “... Phía Công ty P đặt ra yêu cầu Công ty Đ tiếp tục xử lý do chỉ tiêu photpho không đạt theo yêu cầu. Đại diện Công ty Đ không đồng ý cho rằng chỉ số Nitơ, Photpho đầu vào cao nên chỉ số Photpho đầu ra không đạt.... Công ty P có ý kiến sẽ giữ lại số tiền còn nợ Công ty Đ để thuê đơn vị khác thực hiện công trình nếu còn dư sẽ trả lại cho Công ty Đ, còn thiếu thì Công ty Đ phải bù vào, Công ty P thống nhất chấm dứt hợp đồng từ ngày 13/5/2020. Phía Công ty Đ không đồng ý và yêu cầu

Công ty P hoàn trả số tiền còn nợ, đồng thời thống nhất chấm dứt hợp đồng từ ngày 15/5/2020.” Tuy nhiên, ngày 01/7/2020 Công ty Đ đã đến lấy mẫu đi kiểm nghiệm. Ngày 7/7/2020 Công ty TNHH khoa học công nghệ Hoàn Vũ có kết quả kiểm nghiệm. Đối chiếu kết quả kiểm nghiệm và quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản do Bộ TNMT quy định thì Công ty Đ không có kiểm nghiệm 05 chất là *pH*, *Amoni (NH₄ + tính theo N)*, *Nitrogen Tatal (Nito tổng)*, *Oil&grease (Tổng dầu mỡ)* và *Clo dư* và theo ghi chú của đơn vị kiểm định Công ty TNHH khoa học công nghệ Hoàn Vũ chỉ có 02 chất *BOD5* và *COD* là đạt theo quy chuẩn (iii). Công ty P không thống nhất với kết quả kiểm nghiệm nên ngày 13/7/2020 (Bút lục 120) có văn bản gửi Công ty Đ yêu cầu sớm tổ chức tiến hành nghiệm thu lại và mẫu nghiệm thu phải tiến hành đầy đủ các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký.

[3.8] Hai bên tiến hành lấy mẫu kiểm nghiệm và tại kết quả kiểm nghiệm lấy mẫu ngày 25/7/2020, trả lời kết quả ngày 03/8/2020 Công ty TNHH khoa học công nghệ Hoàn Vũ có kết quả trả lời như sau:

1/. *BOD5*: kết quả: 9.0; đơn vị: mgO₂/L; phương pháp: SWEWW 5210B:2017(*).

2/. *COD*: kết quả: 46; đơn vị: mgO₂/L; phương pháp: SWEWW 5220B:2017(*).

3/. *Nitrogen Tatal (Nito tổng)*: kết quả: 34.4; đơn vị: mgN/L; phương pháp: TCVN 6638:2000(*).

4/. *pH*: kết quả: 7.67; đơn vị: -; phương pháp: SWEWW 4500-H + .B:2017(*).

5/. *TSS (Totan Supended solid)*: kết quả: 30.4; đơn vị: mg/L; phương pháp: Ref SWEWW 2540D:2017 (*).

6/. *Coliforms*: kết quả: <3; đơn vị: MPN/100ml; phương pháp: TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990-E) ().

7/. *Oil&grease (Tổng dầu mỡ)*: kết quả: KHP; đơn vị: mg/L; phương pháp: HD.TN.142(EPA 1664B,2010 (*)).

Ghi chú: KPH không phát hiện; () phương pháp Vilas công nhận.*

Đối chiếu kết quả kiểm nghiệm và quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản do Bộ TNMT quy định thì Công ty Đ không có kiểm nghiệm 03 chất là *Amoni (NH₄ + tính theo N)* *Clo dư* và *P (Potpho tổng)* và theo ghi chú của đơn vị kiểm định thì không có chất nào đạt theo quy chuẩn do Bộ TNMT quy định. Ngày 28/7/2020 Phòng Cảnh Sát Môi Trường – Công an tỉnh Bạc Liêu kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm và lập biên bản vi phạm hành chính và Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty P về việc xả thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải đối với thông số

Amoni (N) vượt quy chuẩn 2,44 lần và thông số tổng Phốt pho vượt quy chuẩn 1,18 lần.

[4] Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định các mẫu kiểm nghiệm của Công ty Đ chưa đầy đủ theo các thông số môi trường được quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 11-MT – 2015/BTNMT xả thải ở Cột B, giá trị C của Bộ TNMT, kết quả các mẫu kiểm nghiệm thể hiện các thông số chưa đạt theo hợp đồng đã ký kết mà Công ty Đ yêu cầu Công ty P nghiệm thu công trình là không phù hợp với hợp đồng đã ký kết, dẫn đến ngày 28/7/2020 Công ty P đã bị Cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bạc Liêu kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường do thông số môi trường Amoni (N) vượt quy chuẩn 2,44 lần và thông số tổng Phốt pho vượt quy chuẩn 1,18 lần. Như vậy, Bản án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, toàn diện, đúng theo quy định của pháp luật mà chỉ căn cứ theo lời trình bày của phía nguyên đơn Công ty Đ, chưa xem xét toàn diện kết quả kiểm nghiệm và so sánh với quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản do Bộ TNMT quy định đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty P về việc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty P, yêu cầu Công ty Đ bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và chấm dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty P và Công ty Đ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P; đề nghị của Kiểm sát viên là chưa phù hợp nên không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí kinh danh thương mại sơ thẩm: Công ty Đ phải chịu là 16.273.250 đồng, đã dự nộp số tiền 6.137.000 đồng được đối trừ, Công ty Đ còn phải nộp thêm số tiền 10.136.250 đồng. Công ty P không phải chịu án phí; đã dự nộp số tiền 2.200.000 đồng được hoàn lại đủ.

[7.2] Án phí phúc thẩm: Công ty P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 440, 513, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ đối với Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền 245.465.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ về việc yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ.

3/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu).

4/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5/ Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 100718/01 – HĐKT ngày 10/7/2018 giữa Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ.

6/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ về việc yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

7/ Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ đã dự nộp và chi phí hết.

8/ Về án phí:

8.1/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ phải nộp 12.273.250 đồng đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và

phần án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo yêu cầu phản tố được chấp nhận là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 16.273.250 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 6.137.000 đồng theo biên lai thu số 0000146 ngày 21/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được đối trừ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại, xây dựng và Môi trường Đ còn phải nộp thêm số tiền 10.136.250 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

- Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P không phải chịu án phí; Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đã dự nộp số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000262 ngày 08/6/2023 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

8.2/ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P không phải chịu; Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu P đã dự nộp số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng số 000522 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được hoàn lại đủ.

9/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Cẩm Thúy

